

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI  
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Số : 06 /2019/NTW-CBTT

Nhơn Trạch, Ngày 11 tháng 06 năm 2019

BẢNG CÔNG BỐ THÔNG TIN  
NỘI KIỂM CHẤT LƯỢNG NƯỚC THÀNH PHẨM - THÁNG 05/2019

- Tổng số mẫu xét nghiệm (Lý hóa và vi sinh) : 32 mẫu
- Tổng số mẫu đạt quy chuẩn : 32 mẫu
- Tổng số chỉ tiêu xét nghiệm : 15 chỉ tiêu (giám sát A)
- Tổng số chỉ tiêu đạt quy chuẩn : 15 chỉ tiêu
- Các chỉ tiêu không đạt : 00 chỉ tiêu

KHU VỰC LẤY MẪU	ĐƠN VỊ QUẢN LÝ TRỰC TIẾP	SỐ MẪU/THÁNG		KẾT QUẢ LÝ HÓA		KẾT QUẢ VI SINH		CÁC CHỈ TIÊU KHÔNG ĐẠT
		Lý Hóa	Vi sinh	Đạt	Không đạt	Đạt	Không đạt	
Khu vực: Khu dân cư xã Đại Phước, Phú Hữu, đường số 2 huyện Nhơn Trạch Tỉnh Đồng Nai	- Trạm bơm nước Đại Phước + Đường số 2	16	16	16	0	16	0	0
Cộng		16	16	16	0	16	0	0
Tỷ lệ %		x	x	100%	0	100%	0	0

- Kết luận: Chất lượng nước tại trạm bơm cấp nước và trên mạng lưới cấp nước đạt tiêu chuẩn và nằm trong giới hạn  
cho phép theo QCVN 01:2009/BYT.  
Trần trọng.

KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Lương Thắng

Số: 1048 / KQ - KCBT

## PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Mã số mẫu: 01048.19



Tên khách hàng : Công ty Cổ Phần Cấp Nước Nhon Trạch  
Địa chỉ : KCN Nhon Trạch, Đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhon Trạch, tỉnh Đồng Nai  
Tên mẫu : Nước máy  
Lượng mẫu : 1000ml+200ml  
Ngày nhận mẫu : 02/05/2019  
Ngày trả kết quả : 15/05/2019  
Địa điểm lấy mẫu : Đường số 2

### KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Stt	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
1	Độ pH *	TCVN 6492:2011.	6,88	6,5 - 8,5	
2	Màu sắc	TCVN 6185:2015	Không phát hiện	≤ 15 TCU	
3	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	
4	Độ đục	Đo máy Turbidimeter AL450T-IR	0,70 NTU	≤ 2NTU	
5	Độ cứng tổng cộng *	SMEWW 2340C:2012	12,00 mg/l	≤ 300,0 mg/l	
6	Chỉ Số Permanganate	TCVN 6186:1996	0,48 mg/l	≤ 2,0 mg/l	
7	Hàm lượng Nitrit *	PPXN/HD-NTTN-LH04	Không phát hiện	≤ 3 mg/l	
8	Hàm lượng Nitrat	TCVN 6180: 1996	1,62 mg/l	≤ 50 mg/l	
9	Hàm lượng Clorua *	TCVN 6194: 1996	2,78 mg/l	≤ 250 mg/l	
10	Hàm lượng Mangan tổng số	SMEWW 3111B: 2012	Không phát hiện	≤ 0,3 mg/l	
11	Hàm lượng Sắt tổng số	SMEWW 3111B: 2012	Không phát hiện	≤ 0,3 mg/l	
12	Hàm lượng Sulfat	US-EPA 1997-375.4	Không phát hiện	≤ 250,0 mg/l	
13	Hàm lượng Clo dư	Chlorine test	0,50 mg/l	0,3 - 0,5 mg/l	
14	Escherichia coli	TCVN 6187-2:1996 (PP.MPN)	0/100ml	0/100ml	
15	Coliform tổng số	TCVN 6187-2:1996(PP.MPN)	0/100ml	0/100ml	

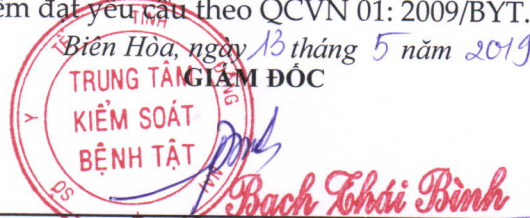
(\*) Phép thử này đã được công nhận phù hợp TCVN ISO/IEC 17025

**Nhận xét:** Mẫu nước có các chỉ tiêu yêu cầu kiểm nghiệm đạt yêu cầu theo QCVN 01: 2009/BYT.

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.

TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM

Phạm Văn Thanh



Số: 1049 / KQ - KSBT

## PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Mã số mẫu: 01049.19



Tên khách hàng : Công ty Cổ Phần Cấp Nước Nhơn Trạch  
Địa chỉ : KCN Nhơn Trạch, Đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai  
Tên mẫu : Nước máy  
Lượng mẫu : 1000ml+200ml  
Ngày nhận mẫu : 02/05/2019  
Ngày trả kết quả : 15/05/2019  
Địa điểm lấy mẫu : Trạm Đại Phước

### KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Stt	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
1	Độ pH *	TCVN 6492:2011.	6,86	6,5 - 8,5	
2	Màu sắc	TCVN 6185:2015	Không phát hiện	≤ 15 TCU	
3	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	
4	Độ đục	Đo máy Turbidimeter AL450T-IR	0,66 NTU	≤ 2NTU	
5	Độ cứng tổng cộng *	SMEWW 2340C:2012	41,00 mg/l	≤ 300,0 mg/l	
6	Chỉ Số Permanganate	TCVN 6186:1996	0,48 mg/l	≤ 2,0 mg/l	
7	Hàm lượng Nitrit *	PPXN/HD-NTTN-LH04	Không phát hiện	≤ 3 mg/l	
8	Hàm lượng Nitrat	TCVN 6180: 1996	12,36 mg/l	≤ 50 mg/l	
9	Hàm lượng Clorua *	TCVN 6194: 1996	120,04 mg/l	≤ 250 mg/l	
10	Hàm lượng Mangan tổng số	SMEWW 3111B: 2012	0,06 mg/l	≤ 0,3 mg/l	
11	Hàm lượng Sắt tổng số	SMEWW 3111B: 2012	Không phát hiện	≤ 0,3 mg/l	
12	Hàm lượng Sulfat	US-EPA 1997-375.4	5,19 mg/l	≤ 250,0 mg/l	
13	Hàm lượng Clo dư	Chlorine test	0,49 mg/l	0,3 - 0,5 mg/l	
14	Escherichia coli	TCVN 6187-2:1996 (PP.MPN)	0/100ml	0/100ml	
15	Coliform tổng số	TCVN 6187-2:1996(PP.MPN)	0/100ml	0/100ml	

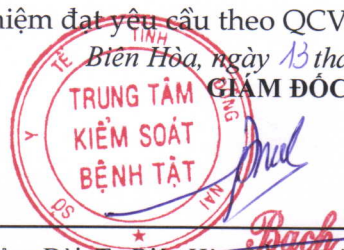
(\*) Phép thử này đã được công nhận phù hợp TCVN ISO/IEC 17025

**Nhận xét:** Mẫu nước có các chỉ tiêu yêu cầu kiểm nghiệm đạt yêu cầu theo QCVN 01: 2009/BYT.

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.

TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM

Phạm Văn Thanh



Bach Thuy Binh

Số: 1050 / KQ - KCBT

## PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Mã số mẫu: 01050.19



Tên khách hàng : Công ty Cổ Phần Cấp Nước Nhơn Trạch  
Địa chỉ : KCN Nhơn Trạch, Đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai  
Tên mẫu : Nước máy  
Lượng mẫu : 1000ml+200ml  
Ngày nhận mẫu : 02/05/2019  
Ngày trả kết quả : 15/05/2019  
Địa điểm lấy mẫu : Bưu Điện Phú Hữu

### KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Stt	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
1	Độ pH *	TCVN 6492:2011.	6,87	6,5 - 8,5	
2	Màu sắc	TCVN 6185:2015	Không phát hiện	≤ 15 TCU	
3	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	
4	Độ đục	Đo máy Turbidimeter AL450T-IR	0,71 NTU	≤ 2NTU	
5	Độ cứng tổng cộng *	SMEWW 2340C:2012	43,00 mg/l	≤ 300,0 mg/l	
6	Chỉ Số Permanganate	TCVN 6186:1996	0,48 mg/l	≤ 2,0 mg/l	
7	Hàm lượng Nitrit *	PPXN/HD-NTTN-LH04	Không phát hiện	≤ 3 mg/l	
8	Hàm lượng Nitrat	TCVN 6180: 1996	14,55 mg/l	≤ 50 mg/l	
9	Hàm lượng Clorua *	TCVN 6194: 1996	120,21 mg/l	≤ 250 mg/l	
10	Hàm lượng Mangan tổng số	SMEWW 3111B: 2012	0,06 mg/l	≤ 0,3 mg/l	
11	Hàm lượng Sắt tổng số	SMEWW 3111B: 2012	Không phát hiện	≤ 0,3 mg/l	
12	Hàm lượng Sulfat	US-EPA 1997-375.4	6,03 mg/l	≤ 250,0 mg/l	
13	Hàm lượng Clo dư	Chlorine test	0,50 mg/l	0,3 - 0,5 mg/l	
14	Escherichia coli	TCVN 6187-2:1996 (PP.MPN)	0/100ml	0/100ml	
15	Coliform tổng số	TCVN 6187-2:1996(PP.MPN)	0/100ml	0/100ml	

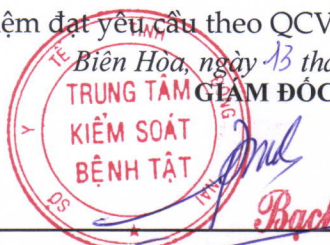
(\*) Phép thử này đã được công nhận phù hợp TCVN ISO/IEC 17025

**Nhận xét:** Mẫu nước có các chỉ tiêu yêu cầu kiểm nghiệm đạt yêu cầu theo QCVN 01: 2009/BYT.

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.

TRƯỜNG KHOA XÉT NGHIỆM

Phạm Văn Thanh



Bạch Thái Bình

Số: 1051/KQ-KSBT

## PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Mã số mẫu: 01051.19



Tên khách hàng : Công ty Cổ Phần Cấp Nước Nhon Trạch  
Địa chỉ : KCN Nhon Trạch, Đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhon Trạch, tỉnh Đồng Nai  
Tên mẫu : Nước máy  
Lượng mẫu : 1000ml+ 200ml  
Ngày nhận mẫu : 02/05/2019  
Ngày trả kết quả : 15/05/2019  
Địa điểm lấy mẫu : 348 ấp Cầu Kê

### KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Stt	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
1	Độ pH *	TCVN 6492:2011.	6,88	6,5 - 8,5	
2	Màu sắc	TCVN 6185:2015	Không phát hiện	≤ 15 TCU	
3	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	
4	Độ đục	Đo máy Turbidimeter AL450T-IR	0,70 NTU	≤ 2NTU	
5	Độ cứng tổng cộng *	SMEWW 2340C:2012	35,00 mg/l	≤ 300,0 mg/l	
6	Chỉ Số Permanganate	TCVN 6186:1996	0,48 mg/l	≤ 2,0 mg/l	
7	Hàm lượng Nitrit *	PPXN/HD-NTTN-LH04	Không phát hiện	≤ 3 mg/l	
8	Hàm lượng Nitrat	TCVN 6180: 1996	15,67 mg/l	≤ 50 mg/l	
9	Hàm lượng Clorua *	TCVN 6194: 1996	118,65 mg/l	≤ 250 mg/l	
10	Hàm lượng Mangan tổng số	SMEWW 3111B: 2012	0,06 mg/l	≤ 0,3 mg/l	
11	Hàm lượng Sắt tổng số	SMEWW 3111B: 2012	Không phát hiện	≤ 0,3 mg/l	
12	Hàm lượng Sulfat	US-EPA 1997-375.4	5,88 mg/l	≤ 250,0 mg/l	
13	Hàm lượng Clo dư	Chlorine test	0,50 mg/l	0,3 - 0,5 mg/l	
14	Escherichia coli	TCVN 6187-2:1996 (PP.MPN)	0/100ml	0/100ml	
15	Coliform tổng số	TCVN 6187-2:1996(PP.MPN)	0/100ml	0/100ml	

(\*) Phép thử này đã được công nhận phù hợp TCVN ISO/IEC 17025

Nhận xét: Mẫu nước có các chỉ tiêu yêu cầu kiểm nghiệm đạt yêu cầu theo QCVN 01: 2009/BYT.

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.

TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM

Phạm Văn Khanh



GIÁM ĐỐC

Bach Thuy Binh

Số: 1141 / KQ - KSBT



## PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Mã số mẫu: 01141.19

Tên khách hàng : Công ty Cổ Phần Cấp Nước Nhơn Trạch  
Địa chỉ : KCN Nhơn Trạch, Đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai  
Tên mẫu : Nước máy  
Lượng mẫu : 1000 + 200 ml  
Ngày nhận mẫu : 09/05/2019  
Ngày trả kết quả : 23/05/2019  
Địa điểm lấy mẫu : 348 ấp Câu Kê

### KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Stt	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
1	Độ pH *	TCVN 6492:2011.	8,09	6,5 - 8,5	
2	Màu sắc	TCVN 6185:2015	Không phát hiện	≤ 15 TCU	
3	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	
4	Độ đục	Đo máy Turbidimeter AL450T-IR	0,96 NTU	≤ 2NTU	
5	Độ cứng tổng cộng *	SMEWW 2340C:2012	39,00 mg/l	≤ 300,0 mg/l	
6	Chỉ Số Permanganate	TCVN 6186:1996	0,32 mg/l	≤ 2,0 mg/l	
7	Hàm lượng Nitrit *	PPXN/HD-NTTN-LH04	Không phát hiện	≤ 3 mg/l	
8	Hàm lượng Nitrat	TCVN 6180: 1996	12,08 mg/l	≤ 50 mg/l	
9	Hàm lượng Clorua *	TCVN 6194: 1996	141,76 mg/l	≤ 250 mg/l	
10	Hàm lượng Mangan tổng số	SMEWW 3111B: 2012	0,07 mg/l	≤ 0,3 mg/l	
11	Hàm lượng Sắt tổng số	SMEWW 3111B: 2012	0,03 mg/l	≤ 0,3 mg/l	
12	Hàm lượng Sulfat	US-EPA 1997-375.4	8,33 mg/l	≤ 250,0 mg/l	
13	Hàm lượng Clo dư	Chlorine test	0,36 mg/l	0,3 - 0,5 mg/l	
14	Escherichia coli	TCVN 6187-2:1996 (PP.MPN)	0/100ml	0/100ml	
15	Coliform tổng số	TCVN 6187-2:1996(PP.MPN)	0/100ml	0/100ml	

(\*) Phép thử này đã được công nhận phù hợp TCVN ISO/IEC 17025

**Nhận xét:** Mẫu nước có các chỉ tiêu yêu cầu kiểm nghiệm đạt yêu cầu theo QCVN 01: 2009/BYT.

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.

TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM

Biên Hòa, ngày 21 tháng 5 năm 2019

GIAM ĐỐC

Phạm Văn Thanh



Bach Thai Binh

Số: 1140 / KQ - KSBT



## PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Mã số mẫu: 01140.19

Tên khách hàng : Công ty Cổ Phần Cấp Nước Nhơn Trạch  
Địa chỉ : KCN Nhơn Trạch, Đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai  
Tên mẫu : Nước máy  
Lượng mẫu : 1000 + 200 ml  
Ngày nhận mẫu : 09/05/2019  
Ngày trả kết quả : 23/05/2019  
Địa điểm lấy mẫu : Bru điện Phú Hữu

### KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Stt	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
1	Độ pH *	TCVN 6492:2011.	8,06	6,5 - 8,5	
2	Màu sắc	TCVN 6185:2015	Không phát hiện	≤ 15 TCU	
3	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	
4	Độ đục	Đo máy Turbidimeter AL450T-IR	0,80 NTU	≤ 2NTU	
5	Độ cứng tổng cộng *	SMEWW 2340C:2012	45,00 mg/l	≤ 300,0 mg/l	
6	Chỉ Số Permanganate	TCVN 6186:1996	0,32 mg/l	≤ 2,0 mg/l	
7	Hàm lượng Nitrit *	PPXN/HD-NTTN-LH04	Không phát hiện	≤ 3 mg/l	
8	Hàm lượng Nitrat	TCVN 6180: 1996	13,58 mg/l	≤ 50 mg/l	
9	Hàm lượng Clorua *	TCVN 6194: 1996	141,76 mg/l	≤ 250 mg/l	
10	Hàm lượng Mangan tổng số	SMEWW 3111B: 2012	0,05 mg/l	≤ 0,3 mg/l	
11	Hàm lượng Sắt tổng số	SMEWW 3111B: 2012	0,02 mg/l	≤ 0,3 mg/l	
12	Hàm lượng Sulfat	US-EPA 1997-375.4	7,93 mg/l	≤ 250,0 mg/l	
13	Hàm lượng Clo dư	Chlorine test	0,38 mg/l	0,3 - 0,5 mg/l	
14	Escherichia coli	TCVN 6187-2:1996 (PP.MPN)	0/100ml	0/100ml	
15	Coliform tổng số	TCVN 6187-2:1996(PP.MPN)	0/100ml	0/100ml	

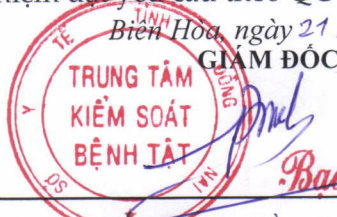
(\*) Phép thử này đã được công nhận phù hợp TCVN ISO/IEC 17025

**Nhận xét:** Mẫu nước có các chỉ tiêu yêu cầu kiểm nghiệm đạt yêu cầu theo QCVN 01: 2009/BYT.

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.

TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM

Phạm Văn Thanh



Bach Thoi Binh

Số: 1159/KQ - KSBT

## PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Mã số mẫu: 01139.19



Tên khách hàng : Công ty Cổ Phần Cấp Nước Nhơn Trạch  
Địa chỉ : KCN Nhơn Trạch, Đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai  
Tên mẫu : Nước máy  
Lượng mẫu : 1000 + 200 ml  
Ngày nhận mẫu : 09/05/2019  
Ngày trả kết quả : 23/05/2019  
Địa điểm lấy mẫu : Trạm Đại Phước

### KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Stt	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
1	Độ pH *	TCVN 6492:2011.	7,99	6,5 - 8,5	
2	Màu sắc	TCVN 6185:2015	Không phát hiện	≤ 15 TCU	
3	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	
4	Độ đục	Đo máy Turbidimeter AL450T-IR	0,79 NTU	≤ 2NTU	
5	Độ cứng tổng cộng *	SMEWW 2340C:2012	10,00 mg/l	≤ 300,0 mg/l	
6	Chỉ Số Permanganate	TCVN 6186:1996	0,32mg/l	≤ 2,0 mg/l	
7	Hàm lượng Nitrit *	PPXN/HD-NTTN-LH04	Không phát hiện	≤ 3 mg/l	
8	Hàm lượng Nitrat	TCVN 6180: 1996	11,95 mg/l	≤ 50 mg/l	
9	Hàm lượng Clorua *	TCVN 6194: 1996	141,06 mg/l	≤ 250 mg/l	
10	Hàm lượng Mangan tổng số	SMEWW 3111B: 2012	0,07 mg/l	≤ 0,3 mg/l	
11	Hàm lượng Sắt tổng số	SMEWW 3111B: 2012	0,01 mg/l	≤ 0,3 mg/l	
12	Hàm lượng Sulfat	US-EPA 1997-375.4	9,73 mg/l	≤ 250,0 mg/l	
13	Hàm lượng Clo dư	Chlorine test	0,32 mg/l	0,3 - 0,5 mg/l	
14	Escherichia coli	TCVN 6187-2:1996 (PP.MPN)	0/100ml	0/100ml	
15	Coliform tổng số	TCVN 6187-2:1996(PP.MPN)	0/100ml	0/100ml	

(\*) Phép thử này đã được công nhận phù hợp TCVN ISO/IEC 17025

**Nhận xét:** Mẫu nước có các chỉ tiêu yêu cầu kiểm nghiệm đạt yêu cầu theo QCVN 01: 2009/BYT.

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.

TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM

Phạm Văn Thanh



Bạch Thái Bình



Số: 1138 / KQ - KSBT



## PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Mã số mẫu: 01138.19

Tên khách hàng : Công ty Cổ Phần Cấp Nước Nhơn Trạch  
Địa chỉ : KCN Nhơn Trạch, Đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai  
Tên mẫu : Nước máy  
Lượng mẫu : 1000 + 200 ml  
Ngày nhận mẫu : 09/05/2019  
Ngày trả kết quả : 23/05/2019  
Địa điểm lấy mẫu : Trạm đường 2

### KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Stt	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
1	Độ pH *	TCVN 6492:2011.	7,67	6,5 - 8,5	
2	Màu sắc	TCVN 6185:2015	Không phát hiện	≤ 15 TCU	
3	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	
4	Độ đục	Đo máy Turbidimeter AL450T-IR	0,60NTU	≤ 2NTU	
5	Độ cứng tổng cộng *	SMEWW 2340C:2012	38,00 mg/l	≤ 300,0 mg/l	
6	Chỉ Số Permanganate	TCVN 6186:1996	0,32 mg/l	≤ 2,0 mg/l	
7	Hàm lượng Nitrit *	PPXN/HD-NTTN-LH04	Không phát hiện	≤ 3 mg/l	
8	Hàm lượng Nitrat	TCVN 6180: 1996	1,51 mg/l	≤ 50 mg/l	
9	Hàm lượng Clorua *	TCVN 6194: 1996	4,17 mg/l	≤ 250 mg/l	
10	Hàm lượng Mangan tổng số	SMEWW 3111B: 2012	0,01 mg/l	≤ 0,3 mg/l	
11	Hàm lượng Sắt tổng số	SMEWW 3111B: 2012	Không phát hiện	≤ 0,3 mg/l	
12	Hàm lượng Sulfat	US-EPA 1997-375.4	1,04 mg/l	≤ 250,0 mg/l	
13	Hàm lượng Clo dư	Chlorine test	0,30 mg/l	0,3 - 0,5 mg/l	
14	Escherichia coli	TCVN 6187-2:1996 (PP.MPN)	0/100ml	0/100ml	
15	Coliform tổng số	TCVN 6187-2:1996(PP.MPN)	0/100ml	0/100ml	

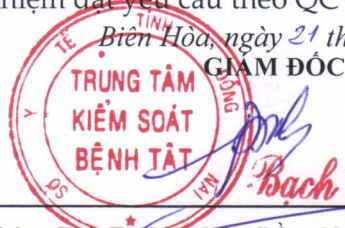
(\*) Phép thử này đã được công nhận phù hợp TCVN ISO/IEC 17025

**Nhận xét:** Mẫu nước có các chỉ tiêu yêu cầu kiểm nghiệm đạt yêu cầu theo QCVN 01: 2009/BYT.

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.

TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM

  
Phạm Văn Thanh



  
Bạch Thị Bình

Số: 1241 / KQ - KSBT



## PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Mã số mẫu: 01241.19

Tên khách hàng : Công ty Cổ Phần Cấp Nước Nhơn Trạch  
Địa chỉ : KCN Nhơn Trạch, Đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai  
Tên mẫu : Nước máy  
Lượng mẫu : 1000ml+200ml  
Ngày nhận mẫu : 16/05/2019  
Ngày trả kết quả : 30/05/2019  
Địa điểm lấy mẫu : Đường Số 2

### KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM


Stt	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
1	Độ pH *	TCVN 6492:2011.	7,34	6,5 - 8,5	
2	Màu sắc	TCVN 6185:2015	Không phát hiện	≤ 15 TCU	
3	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	
4	Độ đục	Đo máy Turbidimeter AL450T-IR	0,76NTU	≤ 2NTU	
5	Độ cứng tổng cộng *	SMEWW 2340C:2012	40,00 mg/l	≤ 300,0 mg/l	
6	Chỉ Số Permanganate	TCVN 6186:1996	0,64 mg/l	≤ 2,0 mg/l	
7	Hàm lượng Nitrit *	PPXN/HD-NTTN-LH04	Không phát hiện	≤ 3 mg/l	
8	Hàm lượng Nitrat	TCVN 6180: 1996	15,27 mg/l	≤ 50 mg/l	
9	Hàm lượng Clorua *	TCVN 6194: 1996	110,14 mg/l	≤ 250 mg/l	
10	Hàm lượng Mangan tổng số	SMEWW 3111B: 2012	0,06 mg/l	≤ 0,3 mg/l	
11	Hàm lượng Sắt tổng số	SMEWW 3111B: 2012	Không phát hiện	≤ 0,3 mg/l	
12	Hàm lượng Sulfat	US-EPA 1997-375.4	4,87 mg/l	≤ 250,0 mg/l	
13	Hàm lượng Clo dư	Chlorine test	0,36 mg/l	0,3 - 0,5 mg/l	
14	Escherichia coli	TCVN 6187-2:1996 (PP.MPN)	0/100ml	0/100ml	
15	Coliform tổng số	TCVN 6187-2:1996(PP.MPN)	0/100ml	0/100ml	

(\*) Phép thử này đã được công nhận phù hợp TCVN ISO/IEC 17025

Nhận xét: Mẫu nước có các chỉ tiêu yêu cầu kiểm nghiệm đạt yêu cầu theo QCVN 01: 2009/BYT.

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.

TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM

  
Phạm Văn Thanh



Biên Hòa, ngày 24 tháng 5 năm 2019

Số: 1242 / KQ - KSBT



## PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Mã số mẫu: 01242.19

Tên khách hàng : Công ty Cổ Phần Cấp Nước Nhơn Trạch  
Địa chỉ : KCN Nhơn Trạch, Đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai  
Tên mẫu : Nước máy  
Lượng mẫu : 1000ml+200ml  
Ngày nhận mẫu : 16/05/2019  
Ngày trả kết quả : 30/05/2019  
Địa điểm lấy mẫu : Trạm Đại Phước

### KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Stt	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
1	Độ pH *	TCVN 6492:2011.	7,32	6,5 - 8,5	
2	Màu sắc	TCVN 6185:2015	Không phát hiện	≤ 15 TCU	
3	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	
4	Độ đục	Đo máy Turbidimeter AL450T-IR	0,70 NTU	≤ 2NTU	
5	Độ cứng tổng cộng *	SMEWW 2340C:2012	37,00 mg/l	≤ 300,0 mg/l	
6	Chỉ Số Permanganate	TCVN 6186:1996	0,64 mg/l	≤ 2,0 mg/l	
7	Hàm lượng Nitrit *	PPXN/HD-NTTN-LH04	Không phát hiện	≤ 3 mg/l	
8	Hàm lượng Nitrat	TCVN 6180: 1996	17,38 mg/l	≤ 50 mg/l	
9	Hàm lượng Clorua *	TCVN 6194: 1996	111,01 mg/l	≤ 250 mg/l	
10	Hàm lượng Mangan tổng số	SMEWW 3111B: 2012	0,05 mg/l	≤ 0,3 mg/l	
11	Hàm lượng Sắt tổng số	SMEWW 3111B: 2012	Không phát hiện	≤ 0,3 mg/l	
12	Hàm lượng Sulfat	US-EPA 1997-375.4	6,13 mg/l	≤ 250,0 mg/l	
13	Hàm lượng Clo dư	Chlorine test	0,33 mg/l	0,3 - 0,5 mg/l	
14	Escherichia coli	TCVN 6187-2:1996 (PP.MPN)	0/100ml	0/100ml	
15	Coliform tổng số	TCVN 6187-2:1996(PP.MPN)	0/100ml	0/100ml	

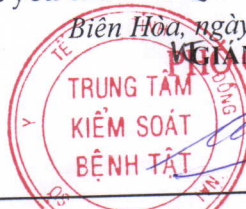
(\*) Phép thử này đã được công nhận phù hợp TCVN ISO/IEC 17025

**Nhận xét:** Mẫu nước có các chỉ tiêu yêu cầu kiểm nghiệm đạt yêu cầu theo QCVN 01: 2009/BYT.

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.

TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM

Phạm Văn Chánh



Biên Hòa, ngày 24 tháng 5 năm 2019

Số: 1243 / KQ - KSBT

## PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Mã số mẫu: 01243.19



Tên khách hàng : Công ty Cổ Phần Cấp Nước Nhơn Trạch  
Địa chỉ : KCN Nhơn Trạch, Đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai  
Tên mẫu : Nước máy  
Lượng mẫu : 1000ml+200ml  
Ngày nhận mẫu : 16/05/2019  
Ngày trả kết quả : 30/05/2019  
Địa điểm lấy mẫu : Bru Điện Phú Hữu

### KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Stt	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
1	Độ pH *	TCVN 6492:2011.	7,34	6,5 - 8,5	
2	Màu sắc	TCVN 6185:2015	Không phát hiện	≤ 15 TCU	
3	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	
4	Độ đục	Đo máy Turbidimeter AL450T-IR	0,90 NTU	≤ 2NTU	
5	Độ cứng tổng cộng *	SMEWW 2340C:2012	40,00 mg/l	≤ 300,0 mg/l	
6	Chỉ Số Permanganate	TCVN 6186:1996	0,48 mg/l	≤ 2,0 mg/l	
7	Hàm lượng Nitrit *	PPXN/HD-NTTN-LH04	Không phát hiện	≤ 3 mg/l	
8	Hàm lượng Nitrat	TCVN 6180: 1996	15,07 mg/l	≤ 50 mg/l	
9	Hàm lượng Clorua *	TCVN 6194: 1996	112,74 mg/l	≤ 250 mg/l	
10	Hàm lượng Mangan tổng số	SMEWW 3111B: 2012	0,05 mg/l	≤ 0,3 mg/l	
11	Hàm lượng Sắt tổng số	SMEWW 3111B: 2012	Không phát hiện	≤ 0,3 mg/l	
12	Hàm lượng Sulfat	US-EPA 1997-375.4	5,50 mg/l	≤ 250,0 mg/l	
13	Hàm lượng Clo dư	Chlorine test	0,30 mg/l	0,3 - 0,5 mg/l	
14	Escherichia coli	TCVN 6187-2:1996 (PP.MPN)	0/100ml	0/100ml	
15	Coliform tổng số	TCVN 6187-2:1996(PP.MPN)	0/100ml	0/100ml	

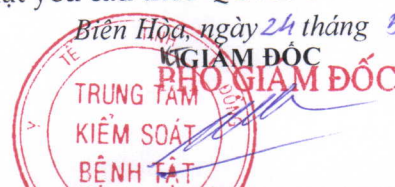
(\* ) Phép thử này đã được công nhận phù hợp TCVN ISO/IEC 17025

**Nhận xét:** Mẫu nước có các chỉ tiêu yêu cầu kiểm nghiệm đạt yêu cầu theo QCVN 01: 2009/BYT.

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.

TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM

Phạm Văn Khanh



Biên Hòa, ngày 24 tháng 5 năm 2019

Số: 1244 / KQ - KSBT



## PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Mã số mẫu: 01244.19

Tên khách hàng : Công ty Cổ Phần Cấp Nước Nhơn Trạch  
Địa chỉ : KCN Nhơn Trạch, Đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai  
Tên mẫu : Nước máy  
Lượng mẫu : 1000ml+200ml  
Ngày nhận mẫu : 16/05/2019  
Ngày trả kết quả : 30/05/2019  
Địa điểm lấy mẫu : 348, ấp Cầu Kê

### KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Stt	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
1	Độ pH *	TCVN 6492:2011.	7,31	6,5 - 8,5	
2	Màu sắc	TCVN 6185:2015	Không phát hiện	≤ 15 TCU	
3	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	
4	Độ đục	Đo máy Turbidimeter AL450T-IR	0,58 NTU	≤ 2NTU	
5	Độ cứng tổng cộng *	SMEWW 2340C:2012	36,00 mg/l	≤ 300,0 mg/l	
6	Chỉ Số Permanganate	TCVN 6186:1996	0,48 mg/l	≤ 2,0 mg/l	
7	Hàm lượng Nitrit *	PPXN/HD-NTTN-LH04	Không phát hiện	≤ 3 mg/l	
8	Hàm lượng Nitrat	TCVN 6180: 1996	16,56 mg/l	≤ 50 mg/l	
9	Hàm lượng Clorua *	TCVN 6194: 1996	113,27 mg/l	≤ 250 mg/l	
10	Hàm lượng Mangan tổng số	SMEWW 3111B: 2012	0,06 mg/l	≤ 0,3 mg/l	
11	Hàm lượng Sắt tổng số	SMEWW 3111B: 2012	Không phát hiện	≤ 0,3 mg/l	
12	Hàm lượng Sulfat	US-EPA 1997-375.4	6,06 mg/l	≤ 250,0 mg/l	
13	Hàm lượng Clo dư	Chlorine test	0,30 mg/l	0,3 - 0,5 mg/l	
14	Escherichia coli	TCVN 6187-2:1996 (PP.MPN)	0/100ml	0/100ml	
15	Coliform tổng số	TCVN 6187-2:1996(PP.MPN)	0/100ml	0/100ml	

(\*) Phép thử này đã được công nhận phù hợp TCVN ISO/IEC 17025

**Nhận xét:** Mẫu nước có các chỉ tiêu yêu cầu kiểm nghiệm đạt yêu cầu theo QCVN 01: 2009/BYT.

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.

TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM

Phạm Văn Thanh

Biên Hòa, ngày 24 tháng 5 năm 2019



Số: 1277/KQ-KSBT



## PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Mã số mẫu: 01277.19

Tên khách hàng : Công ty Cổ Phần Cấp Nước Nhơn Trạch  
Địa chỉ : KCN Nhơn Trạch, Đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai  
Tên mẫu : Nước máy  
Lượng mẫu : 1000 + 200 ml  
Ngày nhận mẫu : 23/05/2019  
Ngày trả kết quả : 06/06/2019  
Địa điểm lấy mẫu : 348 ấp Câu Khê

### KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Stt	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
1	Độ pH *	TCVN 6492:2011.	7,66	6,5 - 8,5	
2	Màu sắc	TCVN 6185:2015	3,70 TCU	≤ 15 TCU	
3	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	
4	Độ đục	Đo máy Turbidimeter AL450T-IR	1,09 NTU	≤ 2NTU	
5	Độ cứng tổng cộng *	SMEWW 2340C:2012	20,00 mg/l	≤ 300,0 mg/l	
6	Chỉ Số Permanganate	TCVN 6186:1996	0,48 mg/l	≤ 2,0 mg/l	
7	Hàm lượng Nitrit *	PPXN/HD-NTTN-LH04	Không phát hiện	≤ 3 mg/l	
8	Hàm lượng Nitrat	TCVN 6180: 1996	10,18 mg/l	≤ 50 mg/l	
9	Hàm lượng Clorua *	TCVN 6194: 1996	79,56 mg/l	≤ 250 mg/l	
10	Hàm lượng Mangan tổng số	SMEWW 3111B: 2012	0,04 mg/l	≤ 0,3 mg/l	
11	Hàm lượng Sắt tổng số	SMEWW 3111B: 2012	0,01 mg/l	≤ 0,3 mg/l	
12	Hàm lượng Sulfat	US-EPA 1997-375.4	1,05 mg/l	≤ 250,0 mg/l	
13	Hàm lượng Clo dư	Chlorine test	0,35 mg/l	0,3 - 0,5 mg/l	
14	Escherichia coli	TCVN 6187-2:1996 (PP.MPN)	0/100ml	0/100ml	
15	Coliform tổng số	TCVN 6187-2:1996(PP.MPN)	0/100ml	0/100ml	

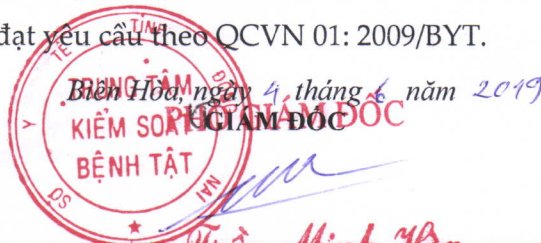
(\*) Phép thử này đã được công nhận phù hợp TCVN ISO/IEC 17025:2007

Nhận xét: Mẫu nước có các chỉ tiêu yêu cầu kiểm nghiệm đạt yêu cầu theo QCVN 01: 2009/BYT.

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.

TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM

Phạm Văn Thanh



Số: 1274 / KQ - KSBT



## PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Mã số mẫu: 01274.19

Tên khách hàng : Công ty Cổ Phần Cấp Nước Nhơn Trạch  
Địa chỉ : KCN Nhơn Trạch, Đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai  
Tên mẫu : Nước máy  
Lượng mẫu : 1000 + 200 ml  
Ngày nhận mẫu : 23/05/2019  
Ngày trả kết quả : 06/06/2019  
Địa điểm lấy mẫu : Trạm đường 2

### KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Stt	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
1	Độ pH *	TCVN 6492:2011.	6,91	6,5 - 8,5	
2	Màu sắc	TCVN 6185:2015	3,70 TCU	≤ 15 TCU	
3	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	
4	Độ đục	Đo máy Turbidimeter AL450T-IR	1,18 NTU	≤ 2NTU	
5	Độ cứng tổng cộng *	SMEWW 2340C:2012	9,00 mg/l	≤ 300,0 mg/l	
6	Chỉ Số Permanganate	TCVN 6186:1996	0,48 mg/l	≤ 2,0 mg/l	
7	Hàm lượng Nitrit *	PPXN/HD-NTTN-LH04	Không phát hiện	≤ 3 mg/l	
8	Hàm lượng Nitrat	TCVN 6180: 1996	3,01 mg/l	≤ 50 mg/l	
9	Hàm lượng Clorua *	TCVN 6194: 1996	3,47 mg/l	≤ 250 mg/l	
10	Hàm lượng Mangan tổng số	SMEWW 3111B: 2012	Không phát hiện	≤ 0,3 mg/l	
11	Hàm lượng Sắt tổng số	SMEWW 3111B: 2012	Không phát hiện	≤ 0,3 mg/l	
12	Hàm lượng Sulfat	US-EPA 1997-375.4	1,01 mg/l	≤ 250,0 mg/l	
13	Hàm lượng Clo dư	Chlorine test	0,34 mg/l	0,3 - 0,5 mg/l	
14	Escherichia coli	TCVN 6187-2:1996 (PP.MPN)	0/100ml	0/100ml	
15	Coliform tổng số	TCVN 6187-2:1996(PP.MPN)	0/100ml	0/100ml	

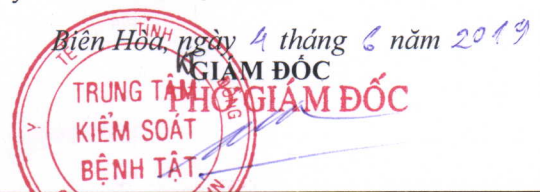
(\*) Phép thử này đã được công nhận phù hợp TCVN ISO/IEC 17025:2007

Nhận xét: Mẫu nước có các chỉ tiêu yêu cầu kiểm nghiệm đạt yêu cầu theo QCVN 01: 2009/BYT.

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.

TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM

Phạm Văn Thanh



Số: 1275/KQ-KSBT



## PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Mã số mẫu: 01275.19

Tên khách hàng : Công ty Cổ Phần Cấp Nước Nhơn Trạch  
Địa chỉ : KCN Nhơn Trạch, Đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai  
Tên mẫu : Nước máy  
Lượng mẫu : 1000 + 200 ml  
Ngày nhận mẫu : 23/05/2019  
Ngày trả kết quả : 06/06/2019  
Địa điểm lấy mẫu : Trạm Đại Phước

### KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Stt	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
1	Độ pH *	TCVN 6492:2011.	7,66	6,5 - 8,5	
2	Màu sắc	TCVN 6185:2015	Không phát hiện	≤ 15 TCU	
3	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	
4	Độ đục	Đo máy Turbidimeter AL450T-IR	1,08 NTU	≤ 2NTU	
5	Độ cứng tổng cộng *	SMEWW 2340C:2012	22,00 mg/l	≤ 300,0 mg/l	
6	Chỉ Số Permanganate	TCVN 6186:1996	0,48 mg/l	≤ 2,0 mg/l	
7	Hàm lượng Nitrit *	PPXN/HD-NTTN-LH04	Không phát hiện	≤ 3 mg/l	
8	Hàm lượng Nitrat	TCVN 6180: 1996	13,41 mg/l	≤ 50 mg/l	
9	Hàm lượng Clorua *	TCVN 6194: 1996	77,48 mg/l	≤ 250 mg/l	
10	Hàm lượng Mangan tổng số	SMEWW 3111B: 2012	0,07 mg/l	≤ 0,3 mg/l	
11	Hàm lượng Sắt tổng số	SMEWW 3111B: 2012	0,02 mg/l	≤ 0,3 mg/l	
12	Hàm lượng Sulfat	US-EPA 1997-375.4	1,05 mg/l	≤ 250,0 mg/l	
13	Hàm lượng Clo dư	Chlorine test	0,31 mg/l	0,3 - 0,5 mg/l	
14	Escherichia coli	TCVN 6187-2:1996 (PP.MPN)	0/100ml	0/100ml	
15	Coliform tổng số	TCVN 6187-2:1996(PP.MPN)	0/100ml	0/100ml	

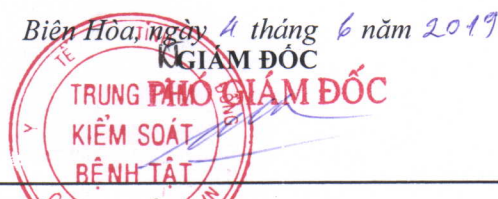
(\*) Phép thử này đã được công nhận phù hợp TCVN ISO/IEC 17025:2007

Nhận xét: Mẫu nước có các chỉ tiêu yêu cầu kiểm nghiệm đạt yêu cầu theo QCVN 01: 2009/BYT.

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.

TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM

Phạm Văn Thành





Số: 1276 / KQ - KSBT



## PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Mã số mẫu: 01276.19

Tên khách hàng : Công ty Cổ Phần Cấp Nước Nhơn Trạch  
Địa chỉ : KCN Nhơn Trạch, Đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai  
Tên mẫu : Nước máy  
Lượng mẫu : 1000 + 200 ml  
Ngày nhận mẫu : 23/05/2019  
Ngày trả kết quả : 06/06/2019  
Địa điểm lấy mẫu : Bưu điện Phú Hữu

### KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Stt	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
1	Độ pH *	TCVN 6492:2011.	7,67	6,5 - 8,5	
2	Màu sắc	TCVN 6185:2015	Không phát hiện	≤ 15 TCU	
3	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	
4	Độ đục	Đo máy Turbidimeter AL450T-IR	1,10 NTU	≤ 2NTU	
5	Độ cứng tổng cộng *	SMEWW 2340C:2012	26,00 mg/l	≤ 300,0 mg/l	
6	Chỉ Số Permanganate	TCVN 6186:1996	0,48 mg/l	≤ 2,0 mg/l	
7	Hàm lượng Nitrit *	PPXN/HD-NTTN-LH04	Không phát hiện	≤ 3 mg/l	
8	Hàm lượng Nitrat	TCVN 6180: 1996	12,56 mg/l	≤ 50 mg/l	
9	Hàm lượng Clorua *	TCVN 6194: 1996	79,22 mg/l	≤ 250 mg/l	
10	Hàm lượng Mangan tổng số	SMEWW 3111B: 2012	0,04 mg/l	≤ 0,3 mg/l	
11	Hàm lượng Sắt tổng số	SMEWW 3111B: 2012	0,01 mg/l	≤ 0,3 mg/l	
12	Hàm lượng Sulfat	US-EPA 1997-375.4	Không phát hiện	≤ 250,0 mg/l	
13	Hàm lượng Clo dư	Chlorine test	0,32 mg/l	0,3 - 0,5 mg/l	
14	Escherichia coli	TCVN 6187-2:1996 (PP.MPN)	0/100ml	0/100ml	
15	Coliform tổng số	TCVN 6187-2:1996(PP.MPN)	0/100ml	0/100ml	

(\*) Phép thử này đã được công nhận phù hợp TCVN ISO/IEC 17025:2007

Nhận xét: Mẫu nước có các chỉ tiêu yêu cầu kiểm nghiệm đạt yêu cầu theo QCVN 01: 2009/BYT.

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.

TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM

Phạm Văn Thanh

